

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Khái quát về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 09: Giám sát thi công xây dựng công trình.
- Tên dự án: Nâng cấp mở rộng đường ĐH06 (đoạn Kim Quan - Cần Kiệm).
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Thạch Thất.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Nguồn vốn: Ngân sách cấp thành phố, ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu và ngân sách xã.
- **Giá gói thầu:** Giá gói thầu đang được lập tương ứng mức thuế VAT là 10%. Để có căn cứ đưa về một mặt bằng đánh giá về tài chính, giá dự thầu của nhà thầu khi chào thầu được hiểu tương ứng với mức thuế VAT là 10%. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xác định giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành tương ứng với mức thuế VAT tại thời điểm nghiệm thu, thanh toán.

***/ Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật**

1. Bình đồ:

- Tuyến đường có điểm đầu giao với đường trục chính xã Kim Quan, tuyến đi theo đường cũ, tại Km0+545 giao với đường ĐH10. Điểm cuối giao với đường ĐH11.
- Bình đồ tuyến thiết kế đi êm thuận; toàn tuyến thiết kế có 03 đỉnh chuyển hướng cắm cong có bán kính lớn hơn hoặc bằng 1500m.

2. Trắc dọc:

- Km0-Km0+320: Đoạn đường dọc công trường học mới được thi công, phần nền đường cũ còn lại đã hỏng hoàn toàn. Thiết kế đường đắp bám sát đường hiện trạng, khớp nối cao độ mép đường bên phải với cao độ mặt đường BTXM dọc công trường học.
- Km0+320-Km0+750: Có điểm đầu tuyến kết nối với đường hiện trạng, cao độ đường đắp dọc đoạn tuyến đảm bảo chiều dày bù vênh kết cấu áo đường (tối thiểu 24cm). Điểm cuối tuyến kết nối với mép nhựa đường ĐH10.
- Km0+750-Km1+165: Nền đường đã hỏng hoàn toàn, thiết kế đường đắp bám sát đường hiện trạng.
- Km1+165-Km1+722 (cuối tuyến): Cao độ đường đắp dọc đoạn tuyến đảm bảo chiều dày kết cấu áo đường trên đường cũ (tối thiểu 24cm). Điểm cuối tuyến kết nối với cao độ mép nhựa đường ĐH11.

3. Trắc ngang:

- Từ đầu tuyến Km0+00 đến Km0+53,28:

+ Bề rộng mặt đường $B_m=2 \times 3,50=7\text{m}$. Bề rộng lề gia cố $2 \times 0,5=1,0\text{m}$, trong đó rãnh đan rộng $2 \times 0,30\text{m}$. Dốc ngang mặt đường 2%. Dốc rãnh đan 10%.

+ Vía hè bên trái tuyến rộng đến mép tường rào trường THCS Kim Quan, $B_h=4.5-5\text{m}$; Bề rộng vỉa hè bên phải tuyến $B_h=3,0\text{m}$. Dốc ngang vỉa hè 1.50% hướng về phía tim đường.

+ Bề rộng nền đường $B_n=15.5-16\text{m}$.

+ Bên trái tuyến là cột điện chiếu sáng làm mới, cây xanh bên trái tuyến hiện trạng được giữ nguyên.

+ Bên phải tuyến dưới hè có công hoàn trả kênh tiêu Lim khẩu độ $2 \times (1 \times 1)\text{m}$ làm mới.

- Từ Km0+53,28 đến Km0+255,69:

+ Bề rộng mặt đường $B_m=2 \times 3,50=7\text{m}$. Bề rộng lề gia cố $2 \times 0,5=1,0\text{m}$, trong đó rãnh đan bên trái rộng $0,30\text{m}$. Dốc ngang mặt đường 2%. Dốc rãnh đan 10%.

+ Bề rộng vỉa hè bên trái tuyến $B_h=3\text{m}$, trong phạm vi trường THCS Kim Quan thì vỉa hè rộng đến mép tường rào trường. Dốc ngang vỉa hè 1.50% hướng về phía tim đường (phần vỉa hè không nằm trong phạm vi hành lang kênh Đồng Mô).

+ Bên phải tuyến là phạm vi trường tiểu học Kim Quan, mầm non Kim Quan và hệ thống công hoàn trả kênh tiêu Lim khẩu độ $2 \times (1 \times 1)\text{m}$ thuộc dự án trường tiểu học Kim Quan và mầm non Kim Quan đã được đầu tư xây dựng.

+ Bề rộng nền đường $B_n=11\text{m}$.

+ Bên trái tuyến là cột điện chiếu sáng làm mới, từ Km0+53,28 đến Km0+150 cây xanh bên trái tuyến hiện trạng được giữ nguyên, đoạn từ Km0+150 đến Km0+255,29 cây xanh được trồng mới.

- Từ Km0+255,69 đến Km0+469,00:

+ Bề rộng mặt đường $B_m=2 \times 3,50=7\text{m}$. Bề rộng lề gia cố $2 \times 0,5=1,0\text{m}$, trong đó rãnh đan bên trái rộng $0,30\text{m}$. Dốc ngang mặt đường 2%. Dốc rãnh đan 10%.

+ Bề rộng vỉa hè bên trái tuyến $B_h=3\text{m}$. Dốc ngang vỉa hè 1.50% hướng về phía tim đường (phần vỉa hè không nằm trong phạm vi hành lang kênh Đồng Mô).

+ Bề rộng lề đất bên phải tuyến $B_{lđ}=1\text{m}$, dốc lề đất 6% hướng ra ngoài mái taluy. Gia cố lề đất bằng BTXM M200 dày 15cm đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Bề rộng nền đường $B_n=12\text{m}$.

+ Bên trái tuyến là cột điện chiếu sáng, cây xanh được làm mới.

+ Bên phải tuyến có mương hở BTCT khẩu độ $B \times H=(2 \times 1,50)\text{m}$ hoàn trả kênh tiêu Lim. Gia cố mái taluy phải tuyến bằng các tấm ốp BTXM.

- Từ Km0+469,00 đến Km0+572,00:

+ Bề rộng mặt đường $B_m = 2 \times 3,50 = 7\text{m}$. Bề rộng lề gia cố $2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$, trong đó rãnh đan bên trái rộng $0,30\text{m}$. Dốc ngang mặt đường 2%. Dốc rãnh đan 10%.

+ Bề rộng vỉa hè bên trái tuyến $B_h = 3\text{m}$. Dốc ngang vỉa hè 1.50% hướng về phía tim đường (phần vỉa hè không nằm trong phạm vi hành lang kênh Đồng Mô).

+ Bề rộng lề đất bên phải tuyến $B_{lđ} = 1\text{m}$, dốc lề đất 6% hướng ra ngoài mái taluy.

+ Bề rộng nền đường $B_n = 12\text{m}$.

+ Bên trái tuyến là cột điện chiếu sáng, cây xanh được làm mới.

+ Bên phải tuyến có công hộp BTCT khẩu độ $B \times H = (2 \times 2)\text{m}$ hoàn trả kênh tiêu Lim.

- Từ Km0+572,00 đến Km1+604,00:

+ Bề rộng mặt đường $B_m = 2 \times 3,50 = 7\text{m}$. Dốc ngang mặt đường 2%.

+ Bề rộng lề gia cố $2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$, kết cấu lề gia cố như kết cấu mặt đường.

+ Bề rộng lề đất $B_{lđ} = 2 \times 1\text{m} = 2,0\text{m}$. Dốc ngang lề đất 6%. Gia cố lề đất bên phải bằng BTXM M200 dày 15cm đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Bề rộng nền đường $B_n = 10\text{m}$.

+ Bên phải tuyến đắp mái taluy (đối với đoạn mái taluy không đắp lấn ra mương) hoặc thiết kế kè trọng lực BTXM, hoàn trả mương đất kênh tiêu Lim đảm bảo khẩu độ $B \times H = (3 \times 2)\text{m}$, mái kênh 1:1. Gia cố mái taluy phải tuyến bằng các tấm ốp BTXM trong phạm vi có kè.

+ Bên trái tuyến là cột điện chiếu sáng làm mới.

- Từ Km1+614,00 đến Km1+716,00:

+ Bề rộng mặt đường $B_m = 2 \times 3,50 = 7\text{m}$. Dốc ngang mặt đường 2%.

+ Bề rộng lề gia cố $2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$, kết cấu lề gia cố như kết cấu mặt đường.

+ Bề rộng lề đất $B_{lđ} = 2 \times 1\text{m} = 2,0\text{m}$. Dốc ngang lề đất 6%. Gia cố lề đất bên phải bằng BTXM M200 dày 15cm đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Bề rộng nền đường $B_n = 10\text{m}$.

+ Bên phải tuyến gia cố mái taluy bằng các tấm ốp BTXM, hoàn trả kênh tiêu Lim bằng mương BTCT hở $B = 2\text{m}$; chiều cao mương thay đổi từ $H = 2\text{m} - 3\text{m}$.

+ Bên trái tuyến là cột điện chiếu sáng làm mới.

- Mái taluy: Mái taluy đào 1:1; mái taluy đắp 1:1,5.

4. Nút giao, đường giao:

4.1. Nút giao

- Các nút giao được thiết kế đầu nối với hiện trạng, bố trí sơn kẻ tổ chức giao thông bằng vạch sơn và biển báo, đảm bảo khả năng kết nối và an toàn giao thông trong nút.

- Nút giao đầu tuyến: Hiện trạng là nút giao bằng dạng ngã 3, giải pháp thiết kế giữ nguyên nút giao hiện trạng, thiết kế vuốt nối về 2 đầu nút giao bằng thảm bê tông nhựa sau khi nâng cao độ tuyến thiết kế.

- Nút giao với đường ĐH10: Hiện trạng là nút giao bằng dạng ngã 4, bán kính cua bó vỉa và mép đường sau khi cải tạo $R=12m$, phạm vi mặt đường ĐH10 còn tốt do đó giữ nguyên, chỉ thiết kế mặt đường mới đến mép đường ĐH10.

- Nút giao cuối tuyến với đường ĐH11: Hiện trạng là nút giao bằng dạng ngã 3, đường ĐH11 hiện trạng là đường bê tông nhựa, do bên trái tuyến vướng nhà dân nên thiết kế bán kính mép đường $R=6m$, bên phải tuyến cải tạo bán kính vuốt rẽ là $R=12m$.

4.2. Đường giao dân sinh

- Các vị trí giao cắt với đường dân sinh hiện tại được thiết kế vuốt nối dân sinh hoàn trả.

5. Nền đường

- Trong phạm vi khu vực tác dụng của nền đường phải đảm bảo điều kiện sức chịu tải đất nền CBR và độ chặt tối thiểu như sau:

+ 30cm dưới đáy kết cấu áo đường phải đảm bảo $CBR \geq 6$ (CBR được xác định theo điều kiện mẫu đất ở độ chặt đầm nén thiết kế và được ngâm bão hòa 4 ngày đêm);

+ 50cm tiếp theo đảm bảo $CBR \geq 4$.

- Cấu tạo nền đường đắp:

+ Trong phạm vi nền đắp trước khi đắp phải phát quang dọn dẹp mặt bằng, đào bỏ lớp hữu cơ 30cm, đoạn qua mương vét bùn trung bình 0,6-1m; trong trường hợp độ dốc nền tự nhiên $>20\%$ cần đánh cấp với bề rộng tối thiểu

1m.

+ Đắp nền đạt độ chặt K95,

+ Trong phạm vi mặt đường cũ 30cm dưới đáy áo đường lu lèn đạt độ chặt K98.

+ Phạm vi mở mới 50cm dưới đáy áo đường lu lèn độ chặt K98.

- Đắp trả hố móng bên ngoài kè bằng đất tận dụng đầm $K \geq 0,9$.

6. Kết cấu áo đường:

- Tuyến đường được thiết kế là đường cấp IV_ĐB với mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 130Mpa$ (tham khảo tiêu chuẩn TCCS38: 2022/TCĐBVN), kiểm toán với trục xe tính toán 100KN.

- KC1: Kết cấu áo đường làm mới áp dụng cho phạm vi mở rộng đường:

+ Bê tông nhựa C12.5 dày 5cm;

+ Lớp nhựa dính bám tiêu chuẩn 0.5kg/m² (nhũ tương CRS1);

+ Bê tông nhựa C19 dày 7cm;

+ Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1kg/m² (nhũ tương CSS1);

- + Lớp móng trên CPĐD loại I dày 12cm $D_{max}=25mm$;
- + Lớp móng dưới CPĐD loại II dày 26cm $D_{max}=37.5mm$;
- + Lớp K98 dày 50cm.

- KC2A: Kết cấu áp dụng cho đoạn trên mặt đường nhựa cũ có $E \geq 97,9Mpa$:

- + Bê tông nhựa C12.5 dày 5cm;
- + Lớp nhựa dính bám tiêu chuẩn $0.5kg/m^2$;
- + Bê tông nhựa C19 dày 7cm;
- + Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1kg/m^2$;
- + Lớp móng trên CPĐD loại I dày 12cm $D_{max}=25mm$;
- + Bù vênh CPĐD loại I.

- KC2B: Kết cấu áp dụng cho đoạn trên mặt đường nhựa cũ đã hư hỏng nặng cần đào bỏ làm kết cấu mới như KC1, tuy nhiên trong phạm vi mặt đường cũ là nền đào giảm chiều dày lớp K98 còn 30cm:

- + Bê tông nhựa C12.5 dày 5cm;
- + Lớp nhựa dính bám tiêu chuẩn $0.5kg/m^2$;
- + Bê tông nhựa C19 dày 7cm;
- + Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1kg/m^2$;
- + Lớp móng trên CPĐD loại I dày 12cm $D_{max}=25mm$;
- + Lớp móng dưới CPĐD loại II dày 26cm $D_{max}=37.5mm$;
- + Lớp K98 dày 30cm.

- KC3A: Đối với các hư hỏng nhẹ (nứt, mai rùa): Đào mặt đường cũ và lớp cấp phối phía dưới tổng chiều dày là 22cm, đắp lại bằng 1 lớp CPĐD loại 1, lu lèn đầm chặt K98.

- KC3B: Đối với các hư hỏng nặng (lún võng, ổ gà, tụ nước): Đào mặt đường cũ và lớp cấp phối, nền phía dưới tổng chiều dày là 75cm, đắp lại đất đồi đầm chặt K98 dày 30cm, CPĐD loại 2 dày 26cm, CPĐD loại 1 dày 19cm, lu lèn đầm chặt K98.

- KC4A: Vuốt nổi dân sinh áp dụng cho đường giao hiện trạng là đường BTXM/BTN: CPĐD loại 1 dày 15cm, tưới nhựa thấm bám TCN $1.0kg/m^2$, thảm BTNC19 dày 7cm.

- KC4B: Vuốt nổi dân sinh áp dụng cho đường giao hiện trạng là đường đất: CPĐD loại 1 dày 15cm.

7. Hè đường, bó vỉa, rãnh đan:

- Phạm vi bên trái tuyến từ Km0+00 đến Km0+540, bên phải tuyến từ Km0+00 đến Km0+53,28 (phạm vi trường mầm non Kim Quan) có thiết kế hè đường, kết cấu trên hè như sau:

- Hè đường: Gạch Terrazzo kích thước 40x40x3cm, lớp vữa đệm M100 dày 2cm, lớp bê tông M150 dày 8cm đặt trên lớp giấy dầu và nền đầm chặt K95.

- Bó vỉa: Bó vỉa loại 1 bằng BTXM M300 vát có kích thước 0,26x0,23m được bố trí tại vỉa hè thông thường; viên dài 1m dùng trong đoạn thẳng, viên dài 0,25m dùng trong đoạn cong.

- Tấm đan rãnh: cấu tạo bằng BTXM M300 đá 1x2 kích thước 30x6cm được bố trí sát bó vỉa hè đường để tạo dòng chảy thu nước mặt đường và hè đường hướng vào cửa thu; viên dài 0,5m dùng trong đoạn thẳng, viên dài 0,25m dùng trong đoạn cong.

+ Những đoạn độ dốc dọc đường $i \geq 0,3\%$, mép trong đan rãnh có dốc dọc bằng độ dốc dọc đường.

+ Những đoạn độ dốc dọc đường $i < 0,3\%$, mép trong đan rãnh được tạo độ dốc dọc 0,3% hướng vào cửa thu (rãnh dốc rãnh cưa)

- Bó gáy hè: được bố trí ở mép ngoài vỉa hè để giữ lớp kết cấu lát hè và là dấu chỉ phạm vi đường. Bó gáy hè loại chiều cao 22cm, cấu tạo gạch đặc không nung xây vữa xi măng M75 trên lớp bê tông lót M150 đá 2x4 dày 5cm. Trên đỉnh bó hè trát VXM M75 dày 2cm.

8. Cây xanh:

- Bố trí trồng cây xanh để tạo bóng mát cho người đi bộ và xe cộ, dẫn gió và che chắn gió tùy hướng gió chủ đạo, bảo vệ đường, làm mát đường, chống bụi, chống ồn, tạo màu xanh và cảnh quan môi trường.

- Quy cách bố trí cây xanh áp dụng theo quy định tại Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 và Thông tư số 20/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị.

- Lựa chọn cây trồng: Trồng cây xanh vỉa hè khoảng cách giữa các cây là (8m:10m)/cây, trồng cây Bằng Đài Loan chiều cao 3,5m-5m, có đường kính thân cây cách gốc 1,3m từ 10cm đến 12cm, tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng.

- Kết cấu ô trồng cây: Được làm từ 04 viên bê tông lắp ghép, mỗi viên chiều dài 1,4m bằng BTXM M200 đá 1x2, đặt trên lớp vữa đệm M100 dày 2cm và lớp bê tông móng M150 đá 2x4 dày 10cm đổ tại chỗ. Lòng các ô trồng cây được đổ đất màu trồng cây sâu 1m.

- Đối với hàng cây xà cừ trái tuyến trước trường THCS Kim Quan thì giữ lại, bố trí bồn cây dạng dọc theo hàng cây.

9. Hoàn trả kênh tiêu Lim (bên phải tuyến):

- Bên phải tuyến từ Km0+00 đến Km0+53,28:

+ Hoàn trả kênh bằng công hộp khẩu độ $n \times (B \times H) = 2 \times (1 \times 1) \text{m}$. Công hộp bằng BTCT M300 đá 1x2 đúc sẵn, mỗi đốt dài 1,5m được đặt trên nền đã đào hữu cơ và lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Mỗi nối công bằng gioăng cao su và vữa XM.

+ Điểm cuối đoạn cống đầu nối với cống hộp khẩu độ $n \times (B \times H) = 2 \times (1 \times 1) \text{m}$ thuộc dự án Xây dựng trường tiểu học Kim Quan và trường mầm non Kim Quan, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội đã thi công.

+ Bố trí ga thu nước mặt đường kết hợp ga thăm để phục vụ công tác nạo vét. Kết cấu ga bằng BTCT M200 đá 1x2 đổ tại chỗ trên lớp móng BTXM M100 đá 2x4 dày 10cm. Nắp ga bằng composite kích thước 900x900mm.

+ Cửa thu bằng BTCT M200 đá 1x2 lắp ghép trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm. Song chắn rác bằng composite kích thước 860x340mm.

+ Dốc dọc cống tối thiểu 0,02%, đảm bảo cao độ các vị trí khớp nối với các cống đã thi công.

- Bên phải tuyến từ Km0+255,69 đến Km0+469,0:

+ Hoàn trả kênh bằng mương hở BTCT khẩu độ $B \times H = (2 \times 1,50) \text{m}$.

+ Mương hở bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ, mỗi đơn nguyên mương dài 11,8m, chèn khe bằng bao tải tấm nhựa đường, đệm lót bằng BTXM M100 đá 2x4 dày 10cm. Nền đất phía dưới đào hữu cơ, đắp hoàn trả đất C3 đầm chặt rồi thi công các lớp đệm và mương hở.

+ Đinh mương có bố trí các thanh chống với khoảng cách trung bình 2m/thanh, thanh chống bằng BTCT M300 đá 1x2 lắp ghép.

- Bên phải tuyến từ Km0+469,00 đến Km0+572,0:

+ Hoàn trả mương đất bằng cống hộp lắp ghép khẩu độ $B \times H = (2,0 \times 2,0) \text{m}$.

+ Cống hộp bằng BTCT M300 đá 1x2 đúc sẵn, mỗi đốt dài 1,5m được đặt trên nền đã đào hữu cơ và lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Môi nối cống bằng gioăng cao su và vữa XM.

+ Vị trí chuyển tiếp mương hở $B \times H = (2 \times 1,50) \text{m}$ với cống hộp được thiết kế ga giao để phục vụ nạo vét, chuyển tiếp mặt cắt.

+ Điểm cuối cống này đầu nối vào cống ngang qua đường ĐH10 và thoát nước tiếp về cuối dự án.

- Bên phải tuyến từ Km0+572,0 đến Km1+604,0:

+ Do mái taluy đắp nền đường lấn ra kênh tiêu Lim, do đó làm kè BTXM phải tuyến để mái đắp không lấn vào kênh.

+ Kè BTXM M200 đá 1x2 đổ tại chỗ, có chiều cao thay đổi từ $H=1,50 \text{m}$ đến $H=2,75 \text{m}$ cụ thể như sau, cứ khoảng 10m chia 1 phân đoạn kè. Giữa các phân đoạn chia khe phòng lún rộng 2cm chèn bao tải tấm nhựa đường.

+ Kè có thân và móng tường bằng BTXM M200, đá 1x2cm, đổ tại chỗ. Móng tường được đặt trên lớp đệm BTXM M100, đá 2x4cm dày 10cm.

+ Bố trí ống nhựa PVC D12cm thoát nước ra sau lưng tường chắn; phía trong bố trí hệ tầng lọc ngược với vật liệu dạng hạt đắp hoàn trả đào móng tường, đầm chặt K95, sỏi lọc bọc vải địa bố trí ở đầu ống thoát nước.

+ Căn cứ theo lỗ khoan địa chất thì đoạn từ Km1+005 đến Km1+170 móng kê đặt vào lớp TK (Sét màu xám đen, xám ghi, lẫn hữu cơ trạng thái dẻo chảy) dày 0,60m và bên dưới là lớp số 4 (Sét màu xám ghi, xám nâu trạng thái dẻo mềm) có chiều dày khoảng 1,30m. Để đảm bảo ổn định thân kè trong phạm vi này thì thiết kế phía dưới móng kê cọc tre gia cố mật độ 20 cọc/m², chiều dài cọc 2,5m. Các vị trí kè còn lại móng kê được đặt trên các lớp đất dẻo cứng có cường độ đất nền >2kg/cm² nên chỉ đào hữu cơ thông thường và đệm móng rồi thi công kè.

- Bên phải tuyến từ Km1+614,0 đến Km1+716,0:

+ Hoàn trả mương đất bằng mương hở BTCT chiều rộng B=3m, chiều cao mương thay đổi vuốt từ H=2m lên H=3m.15

+ Mương hở bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ, mỗi đơn nguyên mương dài 11,8m, chèn khe bằng bao tải tấm nhựa đường, đệm lót bằng BTXM M100 đá 2x4 dày 10cm. Nền đất phía dưới đào hữu cơ, đắp hoàn trả đất C3 đầm chặt rồi thi công các lớp đệm và mương hở.

+ Đinh mương có bố trí các thanh chống với khoảng cách trung bình 2m/thanh, thanh chống bằng BTCT M300 đá 1x2 lắp ghép.

+ Phía mái đắp giữa mương và nền đường được gia cố bằng các tấm BTCT M200 đá 1x2 kích thước 60x60x6cm, phía trên đỉnh và dưới chân bố trí các thanh giằng ngang bằng BTCT M200 đá 1x2 đổ tại chỗ. Giữa khe các tấm bê tông được chèn bằng BTXM M200 đá 1x2.

+ Trong phạm vi mái kênh bố trí bậc lên xuống để phục vụ công tác duy tu, nạo vét sau này. Bậc lên xuống bằng gạch xây vữa M75, trát mặt ngoài VXM M75, nằm trên lớp móng BTXM M200 đá 1x2 đổ tại chỗ và lớp cát đệm dày 5cm. Hai bên thành đồ BTXM M200 tại chỗ.

- Trong quá trình thi công cống hộp, mương hở và kè thì tiến hành đắp bờ vây 2 đầu phạm vi thi công dự kiến khoảng 50m rồi luân chuyển thi công tiếp. Đắp bờ vây chiều cao 1,5m bằng đất tận dụng độ chặt K85, phía trong lòng kênh bố trí 2 ống thoát nước bằng HDPE gân xoắn D250 để thoát nước tạm lòng kênh tiêu, sử dụng các ống có thể uốn cong để thuận tiện đặt ngoài công trường. Sau khi thi công xong 1 đoạn 50m thì tiến hành thanh thải bờ vây, tận dụng lại ống thoát nước tạm và thi công các đoạn tiếp theo.

10. Thoát nước mưa:

- Bên trái tuyến từ Km0+00 đến Km0+540 có vỉa hè bên do đó bố trí hệ thống thu nước mặt đường.

- Bố trí hệ thống cống tròn D600 nằm dưới hè chạy dọc tuyến để thu gom nước mặt đường, rồi chảy vào các cống ngang đường và xả ra kênh tiêu Lim bên phải tuyến.

- Công dọc D600 sử dụng các đốt công đúc sẵn dài 2,5m, mỗi đốt được đặt trên 3 gờ công bằng BTCT M200 đúc sẵn.

- Cứ khoảng 30m bố trí 1 ga thăm và cửa thu nước để thu gom nước mặt đường. Kết cấu ga bằng BTCT M200 đá 1x2 đổ tại chỗ trên lớp đệm móng BTXM M100 đá 2x4 dày 10cm. Nắp ga bằng composite kích thước 900x900mm. Cửa thu bằng BTCT M200 đá 1x2 lắp ghép trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm. Song chắn rác bằng composite kích thước 860x340mm.

- Bên trái tuyến đoạn từ Km1+602,70 đến Km1+716,60 hiện trạng đang có rãnh B400 thu nước mặt kết hợp thu nước của khu nhà xưởng, rồi chảy qua cống ngang tại Km1+671,90, khi mở rộng mặt đường thì rãnh B400 nằm trong phạm vi mặt đường, bên cạnh đó đoạn rãnh này đã được đầu tư xây dựng lâu, 1 số vị trí rãnh đã bị tắc do đó cần thay thế rãnh mới khẩu độ BxH=(0,6x0,6)m.

- Kết cấu rãnh bằng BTCT M250 lắp ghép, tấm đáy BTCT M300 lắp ghép, móng rãnh đệm đá dăm dày 10cm. Rãnh thu nước chảy vào cống ngang đường Km1+671,90 và thoát ra kênh tiêu Lim bên phải tuyến.

- Dọc tuyến hiện trạng có nhiều vị trí bờ đất đi ngang qua kênh tiêu, thiết kế hoàn trả mương tại các vị trí này bổ sung các tấm đáy mương hờ, mỗi vị trí khoảng 2m (2 tấm) để phục vụ việc đi lại, canh tác và sản xuất của người dân.

11. Cống ngang:

- Xây mới 05 cống BxH=1,0x1,0m, nối dài 01 cống BxH=0,8x0,8m và 01 cống tròn D=1,0m.

- Kết cấu cống như sau:

- + Đối với cống hộp: Ống cống hộp 1,0x1,0m và 0,8x0,8m sử dụng đốt dài 1,5m bằng BTCT M300 tải trọng HL93, trên lớp móng bằng M150 đá 2x4 đổ tại chỗ, bên dưới là lớp đá dăm đệm dày 10cm. Mỗi nối cống bằng mộng âm dương, chèn bao tải tấm nhựa và vữa XM. Các cống có chiều cao đắp trên đỉnh cống <1m sẽ bố trí bản quá độ. Tường đầu, tường cánh, hồ thu cống bằng BTXM M200 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Sân cống nếu có gia cố bằng đá hộc xây vữa M100 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- + Đối với cống tròn: Cống tròn D=1,0m sử dụng đốt công đúc sẵn dài 2,5m, đốt được đặt trên gờ công bằng BTCT M200 đúc sẵn.

12. Đèn tín hiệu giao thông:

Thiết kế tổ chức giao thông bằng đèn tín hiệu tại nút giao giữa đường ĐH06 và đường ĐH10 đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và thống nhất với hệ thống đèn tín hiệu giao thông chung của thành phố.

13. Chiếu sáng:

- Độ rọi trung bình trên mặt đường khu vực 12 lux

- Chiếu sáng chung đồng đều dọc theo đường giao thông, với khoảng cách 25m-30m một đèn.

- Các đường giao thông trong phạm vi ô đất được chiếu sáng bằng hệ thống đèn cao áp led 100w-220v gắn trên cột thép bát giác 8m, các cột trồng trên hè, tim cột cách mép hè 0,66m.

- Nguồn điện cấp cho tủ chiếu sáng được lấy từ tủ điện phân phối của trạm biến áp bằng tuyến cáp hạ thế Cu/XLPE/PVC 3 pha 4 dây có tiết diện 4x25mm².

- Sử dụng cáp đồng Cu/XLPE/PVC 3 pha 4 dây có tiết diện 4x16mm² làm cáp trực, cáp được luồn trong ống HDPE D50/40 đặt ngầm trong đất theo rãnh cáp trên hè, những đoạn qua đường được luồn trong ống thép DN50.

- Cáp điện được chôn sâu cách mặt đường 70-100 cm được thể hiện trong bản vẽ chi tiết.

- Tủ điện chiếu sáng, cột đèn được nối với hệ thống tiếp địa, cuối mỗi tuyến chiếu sáng được nối với hệ thống tiếp địa lặp lại.

- Hệ thống đèn đường được điều khiển bằng tủ điện điều khiển theo thời gian.

14. An toàn giao thông:

Thiết kế hệ thống an toàn giao thông (biển báo hiệu, sơn kẻ đường, ...) theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT”.

15. Ống kỹ thuật

- Để hạn chế phải đào đường phục vụ công tác hạ ngầm hệ thống TTLL bên trái tuyến sau này, bố trí ống luồn cáp TTLL dưới hè và vai đường để hạn chế phải đào đường

- Bố trí dọc trên hè đường và dưới lề đất bên trái từ đầu đến cuối tuyến 2 ống PVC D110, với vị trí qua đường ống được đặt vào trong ống thép D25cm.

- Cứ 100m bố trí 1 ga hào, kết cấu ga bằng gạch xây vữa XM M100, móng bằng BTXM M200 đổ tại chỗ. Thân ga hào bằng gạch không nung xây vữa XM M100, trát bên trong bằng vữa XM M100. Tầm đan đáy bằng BTCT M200 và tấm nắp composite tải trọng 12,5T.

Chi tiết xem tại Hồ sơ thiết kế BVTC của dự án đính kèm cùng E-HSMT này

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Việc tuyển chọn nhà thầu tư vấn nhằm chọn nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ Tư vấn giám sát theo đúng thời gian và tiến độ yêu cầu với khối lượng đầy đủ, có chi phí hợp lý, đảm bảo chất lượng hồ sơ dự án, đáp ứng được chủ trương đầu tư của dự án và các yêu cầu theo quy định hiện hành.

II. Phạm vi công việc

1. Giám sát trong quá trình thi công xây dựng theo quy định (Điều 120 Luật Xây dựng, Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

Nội dung thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình gồm:

a) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

b) Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt. Chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn, các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc đặc thù, có nguy cơ mất an toàn lao động cao trong thi công xây dựng công trình;

c) Xem xét và chấp thuận các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ do nhà thầu trình và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng với các nhà thầu về việc giao nhà thầu giám sát thi công xây dựng lập và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đối với các nội dung nêu trên;

d) Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

đ) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng và tiến độ thi công của công trình;

e) Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

g) Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

h) Yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

i) Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và các tài liệu khác có liên quan phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

k) Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (nếu có);

l) Thực hiện các công tác nghiệm thu theo quy định tại các Điều 21, 22, 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;

- m) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.
- n) Báo cáo kết quả thực hiện quản lý chất thải rắn sau khi công trình hoàn thành;
- o) Tổ chức kiểm tra, giám sát kế hoạch thực hiện quản lý chất thải rắn đảm bảo môi trường xây dựng theo quy định;
- p) Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát nhà thầu thi công xây dựng thực hiện kế hoạch quản lý chất thải và bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng; Tổ chức kiểm tra, giám sát các nhà thầu tham gia thi công xây dựng công trình trên công trường phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; Đình chỉ thi công và yêu cầu nhà thầu khắc phục để đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi phát hiện nhà thầu vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng; Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng công trình xử lý, khắc phục khi xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường; kịp thời báo cáo, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng và các vấn đề phát sinh.

2. Việc giám sát thi công xây dựng công trình phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Thực hiện trong suốt quá trình thi công từ khi khởi công xây dựng, trong thời gian thực hiện cho đến khi hoàn thành và nghiệm thu công việc, công trình xây dựng;
- b) Giám sát thi công công trình đúng thiết kế xây dựng được phê duyệt, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật và hợp đồng xây dựng;
- c) Trung thực, khách quan, không vụ lợi.

3. Nhà thầu giám sát thi công xây dựng được lựa chọn phải có đề xuất về giải pháp giám sát và quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu trong quá trình giám sát và nội dung cần thiết khác.

4. Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát tại công trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của công việc thực hiện giám sát. Tùy theo quy mô, tính chất, kỹ thuật của công trình, cơ cấu nhân sự của tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm giám sát trưởng và các giám sát viên. Người thực hiện việc giám sát thi công xây dựng của tổ chức nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và loại, cấp công trình.

5. Lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo nội dung quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ gửi chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan đối với những nội dung trong báo cáo này. Báo cáo được lập trong các trường hợp sau:

- Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVa số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Chủ đầu tư quy

định việc lập báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng và thời điểm lập báo cáo;

- Báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

6. Đối với công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

a) Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình phải độc lập với các nhà thầu thi công xây dựng và các nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình;

b) Tổ chức giám sát thi công xây dựng không được tham gia kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát;

c) Nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình không được tham gia kiểm định chất lượng sản phẩm có liên quan đến vật tư, thiết bị do mình cung cấp.

7. Điều kiện khởi công

Giám sát, kiểm tra và báo cáo với chủ đầu tư (Ban QLDA) các điều kiện khởi công công trình.

8. Kiểm tra, giám sát năng lực nhà thầu thi công

Giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban QLDA sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm:

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban QLDA về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường;

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban QLDA về nguyên vật liệu, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công xây dựng của nhà thầu thi công. Trường hợp nghi ngờ chất lượng vật tư, nguyên vật liệu thì TVGS báo cáo chủ đầu tư để tiến hành thực hiện kiểm tra.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban QLDA trong quá trình thi công xây dựng công trình, bao gồm:

- Giám sát, kiểm tra sự phù hợp của biện pháp thi công do nhà thầu thi công đề trình;

- Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình nhà thầu thi công triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi nhật ký giám sát của Ban QLDA hoặc biên bản kiểm tra theo quy định;

- Giám sát, kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu mà nhà thầu thi công sử dụng để thi công theo đúng yêu cầu kỹ thuật của chủ đầu tư.

- Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc thi công, giai đoạn thi công, nghiệm thu hiện trường, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công việc và hoàn thành công việc;

- Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế để đề nghị chủ đầu tư điều chỉnh hoặc yêu cầu nhà thầu thi công điều chỉnh;

- Báo cáo, đề xuất với chủ đầu tư để tổ chức kiểm định chất lượng hạng mục thi công khi có nghi ngờ về chất lượng;

- Báo cáo Chủ đầu tư và phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công.

- Xác nhận bản vẽ hoàn công;

- Nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng)

9. Các yêu cầu cụ thể khác:

- Giám sát và báo cáo Ban QLDA về tiến độ thi công tại các thời điểm hoàn thành các công tác thi công được tiến hành đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, các tiêu chí thực hiện và tiến độ quản lý chất lượng. Cung cấp cho Chủ đầu tư báo cáo tiến độ thường xuyên hàng tháng.

- Tư vấn giám sát thi công giúp việc Ban QLDA việc thực hiện Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu, biện pháp thi công, vấn đề an toàn lao động và vệ sinh công trường.

- Tham dự các cuộc họp, phối hợp cần thiết cùng nhà thầu trong suốt quá trình thi công.

- Kiểm tra và xác nhận tất cả các bản vẽ hoàn công của các Nhà thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị (nếu có) theo thời gian quy định.

- Đề xuất nghiệm thu lên Chủ đầu tư sau khi các đối tượng nghiệm thu đã thỏa mãn yêu cầu nghiệm thu và các công tác nghiệm thu hoàn thành, các công tác còn tồn đọng và danh sách các công tác cần thiết phải sửa chữa.

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo như hợp đồng đã lập với Chủ đầu tư.

Nhà thầu phải bố trí nhân sự có mặt thường xuyên, liên tục trong quá trình giám sát thi công. Nếu kiểm tra phát hiện nhân sự không có mặt trên công trường chủ đầu tư có quyền chấm dứt, thanh lý hợp đồng với nhà thầu.

III. Các yêu cầu về giải pháp và phương pháp luận

3.1. Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án

3.1.1. Trình bày đúng, đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, khoa học về phạm vi, quy mô của dự án, mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu đã nêu trong điều khoản tham chiếu. Hiểu rõ mối quan hệ giữa Tổ chức tư vấn, Nhà thầu với Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan. Quyền và nghĩa vụ của tư vấn giám sát.. Trình bày đầy đủ, chi tiết các nội dung sau:

- Hiểu biết về: Hiện trạng công trình, phạm vi, quy mô của dự án, mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu.

- Sơ đồ và thuyết minh mối quan hệ giữa Tổ chức tư vấn, Nhà thầu với Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan.

- Lập giải pháp trao đổi thông tin giữa các bên khoa học, hiệu quả đảm bảo tiến độ thực hiện gói thầu.

- Quyền và nghĩa vụ của tư vấn giám sát.

3.1.2. Nhà thầu mô tả cụ thể sản phẩm của gói thầu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành và điều khoản tham chiếu. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Nhà thầu trình bày cụ thể sản phẩm của gói thầu theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng và các quy định khác có liên quan. Có biểu mẫu kèm theo.

3.1.3. Nhà thầu có quy trình tổng thể về thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công cho gói thầu. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Quy trình tổng thể thực hiện công tác giám sát.

3.2. Cách tiếp cận và phương pháp luận

3.2.1. Đề xuất phương pháp kiểm tra, giám sát đối với các hạng mục công việc có trong gói thầu phù hợp với quy định của pháp luật và điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, giai đoạn thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn phục vụ kiểm tra, nghiệm thu vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

- Giải pháp kiểm tra, giám sát trong giai đoạn chuẩn bị thi công (điều kiện khởi công công trình xây dựng; hồ sơ thiết kế; biện pháp thi công; thiết bị thi công; năng lực phòng thí nghiệm; xem xét các nội dung nhà thầu đệ trình).

- Giải pháp kiểm tra, giám sát vật tư, vật liệu, thiết bị chính sử dụng cho gói thầu và thiết bị sử dụng cho công trình gồm:

- + Hệ thống tài liệu làm căn cứ nghiệm thu vật liệu đầu vào;

- + Quy trình kiểm tra giám sát công tác lấy mẫu thí nghiệm các loại vật liệu sử dụng cho công trình;

- + Quy trình nghiệm thu vật liệu đầu vào;

- + Giải pháp kiểm tra, giám sát các loại vật tư, vật liệu có trong gói thầu;

- Giải pháp kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện gói thầu gồm:

- + Hệ thống tài liệu làm căn cứ nghiệm thu và quy trình nghiệm thu công việc xây dựng (gồm: các công tác thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị (nếu có));

- + Hệ thống tài liệu làm căn cứ nghiệm thu và quy trình nghiệm thu giai đoạn, hạng mục thi công xây dựng;

+ Hệ thống tài liệu làm căn cứ nghiệm thu và quy trình nghiệm thu hoàn thành công trình để bàn giao đưa vào sử dụng;

+ Quy trình nghiệm thu công việc xây dựng, lắp đặt thiết bị (nếu có), nghiệm thu giai đoạn hoặc bộ phận hoặc hạng mục công trình, nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

+ Giải pháp kiểm tra, giám sát tất cả các công tác thi công;

+ Giải pháp kiểm tra, giám sát công tác lắp đặt thiết bị đối với từng loại thiết bị có trong gói thầu (nếu có);

+ Giải pháp kiểm tra, giám sát an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ từ khi bắt đầu triển khai đến khi kết thúc thi công xây dựng công trình;

+ Giải pháp kiểm tra, giám sát tiến độ thi công đảm bảo tiến độ chung của gói thầu; Có giải pháp báo cáo, yêu cầu nhà thầu tăng tốc độ triển khai khi bị chậm tiến độ.

+ Giải pháp kiểm tra, giám sát khối lượng thi công trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Giải pháp kiểm tra, giám sát công tác bảo trì, bảo hành công trình.

3.3. Sáng kiến cải tiến

3.3.1. Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án. Có đề xuất thực hiện tốt các công việc mang tính đặc thù của dự án (đưa ra các giải pháp đảm bảo chất lượng cho dự án). Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Có đề xuất hợp lý, chi tiết.

- Có đề xuất thực hiện tốt các công việc mang tính đặc thù của dự án.

3.4. Cách trình bày

- Trình bày đề xuất kỹ thuật một cách hợp lý, dễ theo dõi.

3.5. Kế hoạch triển khai

3.5.1. Kế hoạch triển khai giám sát các công tác thi công xây lắp. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Kế hoạch triển khai giám sát các công tác thi công xây lắp.

3.5.2. Tiến độ hoàn thành: Có bảng tiến độ đầy đủ, chi tiết tất cả các hạng mục và đạt yêu cầu tiến độ (390 ngày). Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Biểu đồ chi tiết tiến độ công việc bao gồm các công việc cần thực hiện.

- Tiến độ 390 ngày.

3.6. Bố trí nhân sự:

3.6.1. Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; Thời điểm và thời gian huy động phù hợp với kế hoạch triển khai. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Bố trí nhân sự theo yêu cầu E-HSMT

- Thời điểm và thời gian huy động phù hợp với kế hoạch triển khai.

3.6.2. Có sơ đồ bố trí cán bộ chuyên ngành phải phù hợp với công việc và đề xuất trong E-HSDT (bao gồm các nhân sự theo yêu cầu E-HSMT). Thuyết minh sơ đồ gồm: Quyền hạn, trách nhiệm của các cán bộ. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

Căn cứ vào các nội dung/hạng mục công việc của gói thầu, Nhà thầu đề xuất sơ đồ tổ chức công tác giám sát (có sơ đồ và thuyết minh cụ thể, bao gồm các nhân sự theo yêu cầu E-HSMT). Trong đó:

+ Có sơ đồ bố trí cán bộ chuyên ngành phải phù hợp với công việc và đề xuất trong E-HSDT (bao gồm các nhân sự theo yêu cầu E-HSMT).

+ Thuyết minh sơ đồ gồm: Quyền hạn, trách nhiệm của các cán bộ.

IV. Báo cáo tiến độ thực hiện

Nhà thầu phải nộp báo cáo thực hiện theo tháng quá trình triển khai công tác dịch vụ tư vấn cho từng nội dung công việc, tiến độ hoàn thành

V. Kinh nghiệm nhân sự của nhà thầu

Nhân sự của nhà thầu phải đúng theo đề xuất nhân sự cho từng vị trí trong hồ sơ dự thầu, nếu có thay đổi phải báo cáo chủ đầu tư và phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư

VI. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Cung cấp đầy đủ, chính xác và nhanh chóng cho nhà thầu trúng thầu các thông tin như: thông tin về pháp nhân và các thông tin dữ liệu có sẵn để nhà thầu trúng thầu thực hiện hợp đồng, đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin đó.

- Tạo điều kiện làm việc tốt cho nhà thầu trúng thầu

- Tiến hành giám sát, đánh giá việc triển khai của nhà thầu trúng thầu.

- Chủ đầu tư là người quyết định cuối cùng về tất cả các vấn đề liên quan đến dự án.

- Quan hệ chính thức với tất cả các nhà thầu khác có liên quan đến dự án bằng hợp đồng hoặc thỏa thuận riêng trong khuôn khổ luật pháp cho phép;

- Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng với Tư vấn giám sát theo quy định trong hợp đồng tư vấn giám sát và theo pháp luật;

- Thông báo cho các bên liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát;

- Xử lý kịp thời những đề xuất của Tư vấn giám sát;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng ký kết với Tư vấn giám sát;

- Không được thông đồng hoặc dùng ảnh hưởng của mình để áp đặt làm sai lệch kết quả giám sát;

- Lưu trữ kết quả giám sát thi công xây dựng công trình.